

Bảng 3: Phân bố của vi sinh vật gây bệnh

Mẫu	Tọa độ	Độ sâu	Tầng	Đơn vị tính	Coliform	E. coli	S-S*	Vibrio
QN-1a	13°44'276 109°15'881	13m	0m	tb/ml	1,3x10 ¹	0	0	0
QN-1b			6m	tb/ml	0,2 x10 ¹	0	0	0
QN-1c			TT	tb/g	1,4 x10 ¹	0	0	3,5x10 ¹
QN-2a	13°45'378 109°16'582	8,3m	0m	tb/ml	1,2 x10 ¹	0,1 x10 ¹	0	0,3x10 ¹
QN-2b			4m	tb/ml	0,4 x10 ¹	0	0,2 x10 ¹	0,3 x10 ¹
QN-2c			TT	tb/g	5,9 x10 ¹	3,0 x10 ¹	4,2 x10 ¹	1,9 x10 ²
QN-3a	13°45'559 109°14'568	6m	0m	tb/ml	0,7 x10 ¹	0	0	0,5x10 ¹
QN-3b			3m	tb/ml	1,2x x10 ¹	0	0	0,3x10 ¹
QN-3c			TT	tb/g	4,0 x10 ¹	0	0	2,7x10 ¹
QN-4a	13°46'287 109°15'158	8,5m	0m	tb/ml	3,4 x10 ¹	0,2 x10 ¹	0,5 x10 ¹	1,5x10 ¹
QN-4b			4m	tb/ml	3,2 x10 ¹	0,2 x10 ¹	0,2 x10 ¹	0,2x10 ¹
QN-4c			TT	tb/g	5,6 x10 ¹	0,2 x10 ¹	0,7 x10 ¹	1,6x10 ²
QN-5a	13°47'963 109°14'850	3m	0m	tb/ml	6,8 x10 ¹	0,1 x10 ¹	0,1 x10 ¹	0,4 x10 ¹
QN-5b			1,5m	tb/ml	1,4 x10 ²	0	0	0,6 x10 ¹
QN-5c			TT	tb/g	8,9 x10 ¹	0,1 x10 ¹	0,1 x10 ¹	1,9 x10 ¹
QN-6a	13°50'581 109°13'630	2m	0m	tb/ml	0,6 x10 ¹	0	0	1,3 x10 ¹
QN-6b			1m	tb/ml	0,5 x10 ¹	0,4 x10 ¹	0,5 x10 ¹	1,4 x10 ¹
QN-6c			TT	tb/g	3,1 x10 ¹	0,2 x10 ¹	0,7 x10 ¹	5,2 x10 ¹

Ghi chú: (S-S*): nhóm Samonella và Shigella tb: tế bào
E. coli: *Escherichia coli* TT: mẫu trầm tích

Bảng 4: Đặc điểm tế bào của các chủng khử nitrat phân lập từ các vùng nuôi tôm ở ven biển Nha Trang

STT (1)	Địa điểm lấy mẫu (2)	Ký hiệu mẫu (3)	Đặc điểm tế bào (4)
1	Xuân Tự 1	T1	Hình que dài, que ngắn, ovan kết chuỗi, chuyển động
		Đ1	Hình ovan, hình cầu, que ngắn, kết đôi, đơn, chuyển động chiếm ưu thế
2	Xuân Tự 2 (đối chứng)	T2	Hình que dài chiếm ưu thế, que ngắn, chuyển động
		Đ2	Hình ovan, que ngắn chiếm ưu thế, chuyển động
3	Nha Phu 1	T3	Hình que ngắn, que dài chiếm ưu thế, chuyển động; hình cầu, ovan không chuyển động
		Đ3	Hình que ngắn chiếm ưu thế; ovan dài, cầu kết đôi, chuyển động
4	Nha Phu 2 (đối chứng)	Đ4	Hình cầu, que ngắn, ovan kết đôi chiếm ưu thế, chuyển động
		T4	Hình que ngắn, que dài, ovan nhọn kết đôi, kết chuỗi, chuyển động

(1)	(2)	(3)	(4)
5	Nước thải 1	T5	Hình que ngắn kết đôi, hình ovan dài, hình cầu, chuyển động chiếm ưu thế
		Đ5	Hình ovan kết đôi, que dài, cầu, que ngắn chiếm ưu thế, chuyển động
6	Nước thải 2 (đối chứng)	T6	Hình que dài, ovan, que ngắn kết đôi, chuyển động
		Đ6	Hình ovan chiếm ưu thế, hình cầu, kết đôi, kết ba, tập hợp thành từng đám, chuyển động
7	Cam Ranh 1	T7	Hình cầu, kết đôi, chuyển động chiếm ưu thế
		Đ7	Hình ovan ngắn, cầu chiếm ưu thế, không chuyển động chiếm đa số
8	Cam Ranh 2 (đối chứng)	T8	Hình que, cầu, chuyển động chiếm ưu thế
		Đ8	Hình cầu kết đôi, hình ovan chiếm ưu thế, chuyển động

Bảng 5: Đặc điểm tế bào của các chủng nitrat hóa phân lập từ các vùng nuôi tôm ở ven biển Nha Trang

STT	Địa điểm lấy mẫu	Ký hiệu mẫu	Đặc điểm tế bào
1	Nha Phu 1	T3	Tế bào hình cầu, ovan, chuyển động chiếm ưu thế
		Đ3	
2	Nha Phu 2 (đối chứng)	T4	Tế bào hình cầu, bầu dục chiếm ưu thế, không chuyển động
		Đ4	
3	Nước thải 1	T5	Tế bào hình cầu, ovan, chuyển động và không chuyển động
		Đ5	Tế bào hình ovan, bầu dục chiếm ưu thế, không chuyển động chiếm ưu thế
4	Nước thải 2 (đối chứng)	T6	Tế bào hình bầu dục, ovan, cầu đứng riêng lẻ, hình que dài kết đám chiếm ưu thế, không chuyển động
		Đ6	